

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Đắc
- Ông Hoàng Doãn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số B, ngõ A N, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

Chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V kết hôn với nhau vào năm 2012, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, tuy nhiên đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng không còn được như trước nữa. Đến đầu năm 2017, vợ chồng chị bắt đầu ly thân, không còn chung sống với nhau, trong thời gian ly thân vợ chồng chị cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đều không được; hai bên nội ngoại cũng nhiều lần đứng ra hòa giải cho hai vợ chồng nhưng đều không thành. Hiện nay vợ chồng chị đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Vì vậy, chị Lê Thị G đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến V.

Về con chung: Chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V có 02 người con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015. Khi ly hôn, chị Lê Thị G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Mỹ N đến khi đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Tiến V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Á C đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Tiến V trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị G vào năm 2012, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, gia đình hai bên nội ngoại đều biết và đã khuyên bảo để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị Lê Thị G yêu cầu ly hôn thì anh Nguyễn Tiến V cũng nhất trí, vì vợ chồng anh không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015. Khi ly hôn, anh Nguyễn Tiến V nhất trí với yêu cầu chị Lê Thị G, cụ thể chị Lê Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Mỹ N đến khi đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Tiến V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Á C đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do điều kiện công việc đi làm xa, vì vậy anh Nguyễn Tiến V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải, tuy nhiên chị Lê Thị G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Lê Thị G đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tiến V vắng mặt tại Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt là đã chấp hành quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tiến V. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015. Khi ly hôn, Lê Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Mỹ N đến khi đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Tiến V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Á C đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và Thông báo về việc đã thu thập được tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Do nguyên đơn chị Lê Thị G và bị đơn anh Nguyễn Tiến V đều bận công việc nên đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị G và Tiến V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 17/01/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Cả chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V đều thừa nhận, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, đã hết tình cảm, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến V nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị G.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lê Thị G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015. Khi ly hôn, chị Lê Thị G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Mỹ N đến khi đủ 18 tuổi; yêu cầu anh Nguyễn Tiến V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Á C đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến V nhất trí với yêu cầu về con chung của chị Lê Thị G. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Lê Thị G về con chung là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Khi ly hôn giao con chung là cháu Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 cho chị Lê Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015 cho anh Nguyễn Tiến V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, đó cũng là nguyện vọng của các cháu Nguyễn Mỹ N và Nguyễn Thị Á C; chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cả chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V đều trình bày là không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án cả chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V đều trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004137 ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Lê Thị G đã thi hành xong.

[10] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tiến V.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015. Khi ly hôn giao con chung là cháu Nguyễn Mỹ N cho chị Lê Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Nguyễn Thị Á C, sinh ngày 15/8/2015 cho anh Nguyễn Tiến V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004137 ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Lê Thị G đã thi hành xong.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị G và bị đơn anh Nguyễn Thế V1 đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tú

Hoàng Văn Đạo

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc